

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 709/2025/DS-PT
Ngày: 16-9-2025
V/v tranh chấp: “Hợp đồng góp
hụi và hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thơ

Các Thẩm phán: Bà Lâm Ngọc Tuyền

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Phúc Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Bạch - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 409/2025/TLPT-DS ngày 06 tháng 8 năm 2025 về tranh chấp “Hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 170/2025/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện Gy, tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1026/2025/QĐ-PT ngày 11 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị Ngọc A, sinh năm 1976.

Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang (Nay là ấp T, xã V, tỉnh Đồng Tháp).

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Đỗ Thị Thu N, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang (Nay là Khu phố C, xã V, tỉnh Đồng Tháp).

(Theo văn bản ủy quyền ngày 26/6/2024

- Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Đ, sinh năm 1965 (có mặt).

2. Ông Nguyễn Văn Ú, sinh năm 1965 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp T, xã V, tỉnh Đồng Tháp).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Nguyễn Thị Mỹ Đ, Nguyễn Văn Ú.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn Võ Thị Ngọc A trình bày: Nguyên vào khoảng năm 2022, phía bà Đ và ông Ú có hỏi mượn phía chị A 02 lần tiền với số tiền tổng cộng là 22.000.000 đồng, khi mượn tiền phía bà Đ có làm biên nhận nợ cho chị A và cam kết khi nào có tiền bồi thường đất sẽ trả nhưng đến nay chưa trả cho chị A.

Ngoài ra, phía bà Đ và ông Ú có tham gia chơi hụi do chị A làm chủ hụi, cụ thể:

- Loại hụi 5.000.000đồng/phần, khai vào ngày 10/9/2022 (âm lịch), có 15 phần, bà Đ và ông Ú tham gia 01 phần, 01 tháng khai 01 lần. Bà Đ đã hốt hụi vào kỳ thứ nhất, kê 1.200.000 đồng, đóng 3.800.000 đồng, bà Đ hốt được số tiền: 14 phần sống x 3.800.000 đồng/phần = 53.200.000đ trừ tiền tiền thảo 2.500.000đ còn lại số tiền 50.700.000 đồng. Bà Đ đóng được 05 kỳ hụi chết. Hiện nay đây hụi này đã mãn, như vậy bà Đ và ông Ú còn nợ 09 kỳ hụi chết x 5.000.000đ/kỳ, còn nợ chị A số tiền 45.000.000 đồng. Khi nhận tiền hốt hụi bà Đ có ký vào biên nhận hốt hụi với số tiền 50.700.000 đồng.

- Loại hụi 2.000.000đ/ phần, khai vào ngày 01/10/2022 (âm lịch), có 25 phần, bà Đ và ông Ú tham gia 01 phần, 01 tháng khai 01 lần. Bà Đ đã hốt hụi vào kỳ thứ nhất, kê 400.000 đồng, đóng 1.600.000 đồng, bà Đ hốt được số tiền: 24 phần sống x 1.600.000 đồng/phần = 38.400.000đ trừ tiền tiền thảo 1.000.000 đồng còn lại số tiền 37.400.000 đồng. Sau đó, bà Đ đóng cho chị A được 05 kỳ hụi chết. Như vậy bà Đ và ông Ú còn nợ 19 kỳ hụi chết x 2.000.000 đồng/kỳ, còn nợ số tiền 38.000.000 đồng. Khi nhận tiền hốt hụi bà Đ có ký vào biên nhận hốt hụi với số tiền 37.400.000 đồng.

- Loại hụi 2.000.000 đồng/phần, khai vào ngày 05/10/2022 (âm lịch), có 25 phần, bà Đ và ông Ú tham gia 01 phần, 01 tháng khai 01 lần. Bà Đ đã hốt hụi vào kỳ thứ nhất, kê 400.000 đồng, đóng 1.600.000 đồng, bà Đ hốt được số tiền: 24 phần sống x 1.600.000 đồng/phần = 38.400.000 đồng trừ tiền tiền thảo 1.000.000 đồng còn lại số tiền 37.400.000 đồng Bà Đ đóng được 05 kỳ hụi chết. Như vậy bà Đ và ông Ú còn nợ 19 kỳ hụi chết x 2.000.000 đồng/kỳ, còn nợ số tiền 38.000.000 đồng. Khi nhận tiền hốt hụi bà Đ có ký vào biên nhận hốt hụi với số tiền 37.400.000 đồng.

Tổng số tiền nợ mượn và hụi là 143.000.000 đồng, phía chị A đã nhiều lần tìm bà Đ và ông Ú đòi nợ nhưng không được.

Do đó, nay phía chị A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đ1 và ông Ú phải trả số tiền nợ tổng cộng là 143.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi và trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ Đ trình bày:

Bà cho rằng bà có chơi hụi do chị A làm chủ hụi nhưng khi được hốt hụi, thì phía chị A không giao tiền được hốt hụi cho B và chị A cho rằng đã cản trừ nợ của Bà. Ngoài ra, Bà có mượn chị A số tiền 22.000.000 đồng và đã đóng lãi rất nhiều với số tiền là 222.000.000 đồng. Đối với các biện nhận nợ, thì Bà có ký tên vào 05 biên nhận nợ mà phía chị A đã cung cấp. Đối với việc nợ của bà, chồng B là ông Ú không biết.

Ngoài ra, phía chồng Bà là ông Ú cũng đã trả cho phía chị A được số tiền gốc là 40.000.000 đồng.

Nay phía chị A đòi nợ, bà đồng ý trả số tiền nợ là 22.000.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 170/2025/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Gy, tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Đồng Tháp) đã quyết định áp dụng: Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227; Điều 228; Điều 264; Điều 266; Điều 267; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 471, 463 Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐCP ngày 19/02/2019 của Chính phủ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chị Võ Thị Ngọc A.

Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ Đ và Nguyễn Văn Ú có nghĩa vụ hoàn trả cho chị A số tiền nợ hụi và tiền nợ mượn số tiền là 143.000.000 đồng (một trăm bốn mươi ba triệu đồng), trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 26/5/2025, bị đơn Nguyễn Thị Mỹ Đ, Nguyễn Văn Ú có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng cản trừ số tiền 40.000.000 đồng vào số tiền gốc mà nguyên đơn khởi kiện yêu cầu là 143.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Đ và ông Ú thay đổi yêu cầu kháng cáo, ông bà đồng ý trả số tiền vay 22.000.000 đồng, không đồng ý trả 121.000.000 đồng tiền hụi. Đại diện ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Hai bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến: Về tổ tụng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của bị đơn, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn nộp trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Vào năm 2022 chị A có cho ông Ú, bà Đ mượn 02 lần tiền là 22.000.000 đồng. Khi đưa tiền bà Đ có ký tên vào giấy biên nhận, không nói thời hạn, không thỏa thuận lãi suất. Ngoài ra bà Đ, ông Ú có tham gia 03 dây hụi do chị A làm chủ hụi. Bà Đ hốt hụi không đóng hụi chết, còn nợ lại 03 dây hụi số tiền là 121.000.000 đồng. Tổng cộng bà Đ, ông Ú nợ chị A số tiền 143.000.000 đồng. Nay chị A yêu cầu bà Đ, ông Ú trả số tiền 143.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Còn bà Đ cho rằng bà có vay của chị A số tiền 22.000.000 đồng, có ký tên vào giấy nợ, bà có trả lãi cho chị A. Ngoài ra bà có tham gia 03 dây hụi do chị A làm chủ, khi bà hốt hụi thì chị A không giao tiền mà cần trừ nợ. Nay bà chỉ đồng ý trả 22.000.000 đồng. Cấp sơ thẩm buộc bà Đ ông Ú trả cho chị A số tiền 143.000.000 đồng. Bà Đ ông Ú không đồng ý và có yêu cầu kháng cáo.

Xét yêu cầu kháng cáo của bà Đ, ông Ú, thấy rằng bà Đ thừa nhận có vay tiền và tham gia hụi của chị A. Như vậy có cơ sở xác định giữa chị A với bà Đ, ông Ú có xác lập hợp đồng vay và hợp đồng góp hụi. Sau khi vay và hốt hụi bà Đ ông Ú không trả tiền vay và đóng hụi chết là vi phạm nghĩa vụ nên chị A yêu cầu là có căn cứ. Bà Đ, ông Ú cho rằng khi hốt hụi chị A không giao tiền hụi mà cần trừ nợ là không có cơ sở. Bởi lẽ bà Đ thừa nhận chữ ký trong các biên nhận giao hụi do chị A cung cấp là của bà và bà cũng không có chứng cứ gì chứng minh là không có nhận tiền hụi từ chị A. Bà Đ, ông Ú kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ gì chứng minh để Hội đồng xét xử xem xét. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đ ông Ú, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ được Hội

đồng xét xử chấp nhận.

[4] Án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà Đ, ông Ú không được chấp nhận nên ông, bà Đ phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định. Tuy nhiên ông bà là người cao tuổi và có đơn xin miễn giảm án phí nên thuộc đối tượng được miễn án phí theo qui định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ Đ và ông Nguyễn Văn Ú. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm 170/2025/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Đồng Tháp).

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227; Điều 228; Điều 264; Điều 266; Điều 267; Điều 271 và Điều 273, 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 471, 463 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chị Võ Thị Ngọc A.

Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ Đ và Nguyễn Văn Ú có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Võ Thị Ngọc A tiền nợ hui và tiền nợ mượn số tiền là 143.000.000 đồng (một trăm bốn mươi ba triệu đồng), trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị A có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Đ, ông Ú chậm thi hành đối với phần tiền nợ nêu trên thì còn phải chịu thêm tiền lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Mỹ Đ và ông Nguyễn Văn Ú phải chịu 7.150.000 đồng án phí sơ thẩm. Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị Mỹ Đ và ông Nguyễn Văn Ú.

Chị Võ Thị Ngọc A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.575.000 đồng theo biên lai thu số 0009810 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gy, tỉnh Tiền Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp).

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND Khu vực 2 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thơ